

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/LĐ-PT

Ngày 23/8/2022

*“V/v Tranh chấp về trường hợp bị
đơn phương chấm dứt hợp đồng lao
động”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh và ông Bùi Đức Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Minh Anh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 và ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-LĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, về việc: *“Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”*. Do Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ - ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2022/QĐPT-LĐ ngày 05/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐ-PT ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ 28, khu 4, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông **Vũ Quang N** - Luật sư, Công ty Luật TNHH V; ngày 16 và 17/8/2022, có mặt; ngày 23/8/2022, vắng mặt.

- Bà **Hoàng Thị P** - Nhân viên, Công ty Luật TNHH V, có mặt.

- Ông **Bùi Duy P** - Nhân viên, Công ty Luật TNHH V, có mặt.

Cùng địa chỉ liên hệ: số nhà 84, phố VL, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

2. ***Bị đơn:*** **Tổng công ty P**; địa chỉ: số 22 đường D, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện:

- Ông **Đỗ Trung K** – Chức vụ: Quyền Giám đốc, Công ty Nhiệt điện U, ngày 16 và 17/8/2022 vắng mặt; ngày 23/8/2022, ủy quyền lại cho ông **Đỗ Văn C** – Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính và Lao động, Công ty Nhiệt điện U, theo Giấy ủy quyền số: 2041/UQ - NDUB ngày 22/8/2022, có mặt.

- Ông **Phan Duy A** – Chức vụ: Trưởng Ban pháp chế, Tổng công ty P, ngày 16 và 17/8/2022, có mặt; ngày 23/8/2022, vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Viết T** – Chức vụ: Phó trưởng Ban pháp chế, Tổng công ty P, ngày 16 và 17/8/2022, có mặt; ngày 23/8/2022, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Hà T – Chức vụ: Chuyên viên Ban pháp chế Tổng công ty P, vắng mặt.

Đều là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền số: 33/UQ-EVNGENCO1 ngày 19/7/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà **Lãnh Thị Mai H** - Luật sư, Công ty luật TNHH M - Chi nhánh Quảng Ninh; địa chỉ: số 02 phố Đ, tổ 7, khu 2, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Bảo hiêm X**; địa chỉ: số 22 đường 25/4, phường Bạch Đằng, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện: ông **Trần Công D** – Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý thu - Bảo hiêm X, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 3309/UQ-BHXX ngày 13/7/2022, có mặt.

- **Công ty Nhiệt điện U**; địa chỉ: khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện: ông **Đỗ Văn C** – Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính và Lao động, Công ty Nhiệt điện U, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 5491/UQ ngày 28/12/2021, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Nhiệt điện U: bà **Lãnh Thị Mai H** - Luật sư, Công ty Luật TNHH M - Chi nhánh Quảng Ninh; địa chỉ: số 02 phố Đ, tổ 7, khu 2, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 01/01/1995, tôi ký Hợp đồng lao động với Nhà máy Nhiệt điện U, thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Công ty Nhiệt điện U, đơn vị trực thuộc Tổng công ty P); ngày 28/3/2005, Nhà máy Nhiệt điện U ra Quyết định số: 720/QĐ-EVN-ĐUB-TCLĐ điều động tôi đến nhận công tác tại phân xưởng Tự động điều khiển; ngày 24/11/2008, Công ty Nhiệt điện U ra Quyết định số: 2851/QĐ-NĐUB-TCLĐ về việc điều chuyển chức năng thí nghiệm điện Nhà máy Nhiệt điện U mở rộng từ phân xưởng Tự động điều khiển về phân xưởng Điện kiểm nhiệt; ngày 05/3/2010, Công ty Nhiệt điện U ra Quyết định số: 596/QĐ-NĐUB-TCLĐ điều động tôi đến nhận công tác tại phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện U; ngày 25/6/2010, Công ty Nhiệt điện U ra Quyết định số: 1795/QĐ-NĐUB-TCLĐ điều động tôi đến nhận công tác tại phòng Kỹ thuật – Giám sát Công ty Nhiệt điện U; ngày 06/6/2018, Công ty Nhiệt điện U ra Quyết định số: 1342/QĐ-NĐUB-TCLĐ điều động tôi nhận công tác tại phân xưởng Sửa chữa điện tự động

kể từ ngày 11/6/2018, công việc do Quản đốc phân xưởng phân công; ngày 07/11/2019, Công ty Nhiệt điện U ra Quyết định số: 3575/QĐ-NĐUB điều động tôi tới nhận công tác tại phòng An toàn và Môi trường kể từ ngày 11/11/2019, công việc do Trưởng đơn vị phân công.

Ngày 21/9/2021, Công ty Nhiệt điện U ra Thông báo số: 4147/TB-NĐUB về việc nghỉ chế độ hưu trí đối với tôi (viết tắt là Thông báo số: 4147/TB-NĐUB ngày 21/9/2021).

Ngày 28/9/2021, Công ty Nhiệt điện U ra Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/11/2021 đối với tôi (viết tắt là Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021).

Do Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, vi phạm pháp luật lao động, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giải quyết:

1) Hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 của Công ty Nhiệt điện U;

2) Buộc Công ty Nhiệt điện U thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019, trả cho tôi số tiền tạm tính là: 143.984.101 đồng.

** Trong quá trình tố tụng người đại diện của bị đơn Tổng công ty P và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Nhiệt điện U, cùng trình bày:*

Tổng công ty P và Công ty Nhiệt điện U, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, cụ thể như sau:

1) Về yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021: bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 06/6/1971 ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 01/01/1995 với Nhà máy Nhiệt điện U (nay là Công ty Nhiệt điện U) với nội dung công việc do đơn vị trưởng trực tiếp phân công. Trước đó, từ tháng 8/1992, bà M đã làm công nhân phân xưởng điện thuộc Nhà máy Nhiệt điện U. Thời điểm ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, bà M đang làm nghề sửa chữa điện. Tính đến ngày 31/10/2021, bà M đã đóng bảo hiểm xã hội được 29 năm 03 tháng, trong đó thời gian bà M làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại (theo danh mục quy định của Nhà nước) là 19 năm 10 tháng. Tại thời điểm được nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/11/2021, bà M có tuổi để tính tuổi nghỉ hưu là 50 tuổi 04 tháng. Căn cứ quy định Điều 54 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 36; Điều 169 và Điều 219 của Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số: 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu; Văn bản số: 1589/EVNGENCO1-TC&NS ngày 13/6/2017 của Tổng công ty P về việc thực hiện chế độ đối với người lao động có thời gian làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại từ đủ 15 năm trở lên thì bà M thuộc trường hợp đủ điều kiện để nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/11/2021. Vì vậy, ngày 28/9/2021, Công ty Nhiệt điện U đã ban hành Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB, quyết định cho bà M được nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/11/2021. Việc ban hành Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, có căn cứ, đúng các quy định của

pháp luật. Việc bà M cho rằng Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, vi phạm pháp luật và yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định này là không có cơ sở.

2) Về yêu cầu Công ty Nhiệt điện U bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019: khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Tuy nhiên, như nội dung đã nêu tại mục 1) ở trên, việc người sử dụng lao động ban hành Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không phát sinh nghĩa vụ bồi thường đối với bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019.

** Trong quá trình tố tụng người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm X trình bày:*

Bảo hiểm X nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 01/TB-TLVA ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có quan điểm như sau: ngày 04/10/2021, Bảo hiểm X tiếp nhận hồ sơ giải quyết chế độ hưu trí cho bà Nguyễn Thị M, số sổ bảo hiểm xã hội 2096066554; hồ sơ gồm có: Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, do Công ty Nhiệt điện U ban hành về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà M; sổ BHXH số: 2096066554. Sau khi xem xét hồ sơ xin giải quyết chế độ hưu trí đối với bà M, Bảo hiểm X xác định:

1) Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) của bà M được xác nhận trên sổ trùng khớp với dữ liệu về quá trình tham gia BHXH của người tham gia BHXH đang được quản lý tại cơ quan BHXH. Tính đến ngày 01/11/2021, bà M có 29 năm 03 tháng tham gia BHXH; trong đó có 19 năm 10 tháng làm nghề với chức danh: công nhân vận hành điện; công nhân sửa chữa điện; công nhân thí nghiệm điện cao áp thuộc danh mục nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

2) Theo hồ sơ cá nhân của người tham gia BHXH hiện đang được cơ quan BHXH quản lý, tính đến ngày 01/11/2021 bà M đủ 50 tuổi 04 tháng.

3) Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M do Công ty Nhiệt điện U ban hành là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, được điều chỉnh tại khoản 2 và khoản 3 Điều 169 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Do vậy, Bảo hiểm X giải quyết hưởng chế độ hưu trí và đã ban hành Quyết định số: 22000005614/QĐ-BHXH ngày 06/10/2021 về việc hưởng chế độ hưu trí cho bà Nguyễn Thị M theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày thống nhất với các nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, do ban hành không đúng mẫu, không đúng thẩm quyền, không căn cứ Bộ luật Lao động và tính thời gian làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm không đúng quy định và vi phạm thời hạn báo trước do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 04 ngày nên phải trả cho bà M tổng số tiền là 133.437.530 đồng theo khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Tổng công ty P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Nhiệt điện U, trình bày và căn cứ vào Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; điểm d khoản 1 Điều 36; Điều 169 và Điều 219 của Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số: 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu; Văn bản số: 1589/EVNGENCO1-TC&NS ngày 13/6/2017 của Tổng công ty P về việc thực hiện chế độ đối với người lao động có thời gian làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại từ đủ 15 năm trở lên, nhận thấy việc ban hành Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, là đảm bảo quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 của bà M; chấp nhận một phần yêu cầu của bà M đối với vi phạm về thời hạn báo trước theo khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019, chấp nhận trả cho bà M số tiền tương ứng với 04 ngày lương theo yêu cầu của bà M tại phiên tòa.

Với nội dung trên, tại Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 36; khoản 1 Điều 41; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 169; Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 của Giám đốc Công ty Nhiệt điện U về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M.

2. Tổng công ty P phải trả cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền tương ứng với 05 ngày lương là: 3.451.022 đồng (Ba triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, không trăm hai mươi hai đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả, về án phí, về quyền kháng cáo và về quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

- Ngày 29/4/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ và chứng minh không đúng, không đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị và xét xử vụ án; đánh giá, nhận định, quyết định giải quyết vụ án sai tình tiết khách quan, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, là ông Vũ Quang N, bà Hoàng Thị P và ông Bùi Duy P, trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ

của việc kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị và xét xử vụ án; đánh giá, nhận định, quyết định giải quyết vụ án sai tình tiết khách quan, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Cụ thể như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm: thu thập được tài liệu, chứng cứ, không thông báo cho bà M là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xâm phạm quyền được biết của đương sự quy định tại khoản 8 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vi phạm khoản 3 Điều 24 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 23/02/2022, ban hành Thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ số: 01/2022/TB-TA gửi cho Tổng công ty P, nội dung căn cứ “điểm e khoản 1 Điều 97; Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự”. Trong trường hợp căn cứ điểm e khoản 1 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự, phải ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ mới đảm bảo quy định về thủ tục tố tụng tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự; tiếp tục ngày 16/3/2022, nhận 13 loại tài liệu kèm theo Công văn số: 529/NĐUB – HCLĐ của Công ty Nhiệt điện U cung cấp, ra ngay quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng ngày nhận được tài liệu của bị đơn vi phạm khoản 5 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; không mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy tại khoản 1 Điều 109 Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 14/4/2022, nhận được 12 loại tài liệu do Công ty Nhiệt điện U cung cấp. Thực tế tại phiên tòa ngày 14/4/2022, không thấy bị đơn giao nộp Giấy ủy quyền số 14A và 11 loại tài liệu nêu trên, Tòa không thông báo cho bà My được biết. Việc thu thập vi phạm quy định tố tụng như vậy vừa không đảm bảo giá trị pháp lý của tài liệu chứng cứ, vừa không minh bạch. Điều đặc biệt vi phạm là 12 loại tài liệu này, được giao cho bà Nguyễn Thùy Dương – người đã bị Chánh án thay thế bởi ông Phạm Văn Thắng tại Quyết định thay đổi thư ký ngày 21/02/2022. Do đó, 40 loại tài liệu thu thập không đúng dẫn tới không đảm bảo giá trị pháp lý, không đảm bảo khách quan khi xét xử vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý không đúng đơn khởi kiện ngày 04/11/2021 của bà M, dẫn tới vừa xét xử thiếu nội dung đơn khởi kiện vừa xét xử ngoài phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: bà M có 02 yêu cầu gồm: hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 do vi phạm pháp luật và buộc người sử dụng lao động thực hiện nghĩa vụ tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019. Tại Thông báo thụ lý; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Biên bản thảo luận; Biên bản nghị án, Biên bản phiên tòa và Bản án sơ thẩm đều thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu “bồi thường thiệt hại” cho bà M, vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 gồm 04 nghĩa vụ. Tuy nhiên, nội dung Biên bản phiên tòa và Bản án sơ thẩm cho thấy, không xem xét và giải quyết những yêu cầu khởi kiện này.

Tòa án cấp sơ thẩm: xác định lẫn lộn về thành phần tham gia tố tụng của Công ty Nhiệt điện U: trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Công ty Nhiệt điện U được xác định là bị đơn cùng với Tổng công ty P. Tuy nhiên, tại nhiều thủ tục tố tụng khác trong quá trình xét xử sơ thẩm, Công ty Nhiệt điện U được xác định là người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-LĐ ngày 16/3/2022, Giấy triệu tập số: 01/GTT-TA ngày 16/3/2022, Biên bản nghị án và Bản án sơ thẩm ngày 20/04/2022); xác định sai tư cách tham gia tố tụng của ông Đỗ Văn C là người đại diện của bị đơn theo ủy quyền lại từ ông Đỗ Trung K, là không đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự, gây bất bình đẳng và bất lợi cho nguyên đơn khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự; đưa người tiến hành tố tụng trái pháp luật tham gia giải quyết vụ án: đã có quyết định thay đổi thư ký từ bà Dương sang ông Thắng vào ngày 21/02/2022, nhưng bà Dương vẫn tiến hành tố tụng: giao nhận tài liệu ngày 16/3/2022, làm Thư ký phiên tòa xét xử vụ án trong ngày 14 đến ngày 20/4/2022, vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47; Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc này dẫn tới toàn bộ các thủ tục tố tụng do bà Dương thực hiện từ ngày 21/02/2022 đến khi kết thúc phiên tòa là vi phạm tố tụng đặc biệt nghiêm trọng; biên bản phiên tòa ngày 14/4/2022, không thể hiện được đầy đủ mọi diễn biến tại phiên tòa, cắt bỏ toàn bộ nội dung tranh luận và bị chủ ý cắt xén rất nhiều câu hỏi của ông Vũ Quang N, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và cắt bỏ hầu như toàn bộ nội dung tranh luận của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ảnh hưởng đến tính đúng đắn của việc xét xử vụ án, gây khó khăn cho việc xem xét lại các quyết định tố tụng theo trình tự phúc thẩm, vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 236 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá và đưa ra các nhận định, quyết định sai tình tiết khách quan, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: tại trang 9 bản án sơ thẩm, nhận định về trình tự: *“Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (Quyết định số: 4240/QĐ – NDUB về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M kể từ ngày 01/11/2021) khi người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo điểm d khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019 là có căn cứ”*. Như vậy, Tòa nhận định về “Trình tự” nhưng lại đánh giá về “Thẩm quyền”, đầu đề một đằng, nội dung một nẻo; tiếp tục nhận định: *“Về thẩm quyền: ông Đỗ Trung K - Phó Giám đốc ký thay Giám đốc là đảm bảo về thẩm quyền người ký ban hành quyết định theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Tổng công ty P số: 14A/GUQ-EVNGENCO1 ngày 02/8/2021 và Quyết định số: 929/QĐ-EVN ngày 01/7/2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là đúng thẩm quyền”*. Tuy nhiên, theo Quyết định số: 126/QĐ - HĐTV ngày 29/7/2021 của Tổng công ty P thì ông Đỗ Trung K được giao nhiệm vụ Quyền Giám đốc Công ty Nhiệt điện U, kể từ ngày 01/08/2021. Tại sao khi ký Quyết định số: 4240/QĐ-NDUB ngày 28/9/2021, vẫn ký thay Giám đốc, với tư cách là Phó Giám đốc - Phó Giám đốc thì không có thẩm quyền ký quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; nhận định: *“Về thủ tục: Trước khi ban hành Quyết định số: 4240/QĐ-NDUB ngày 28/9/2021 thì Công ty Nhiệt điện U ra Thông báo số: 4147/TB-NDUB ngày 21/9/2021 về việc thông báo nghỉ chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M. Nhưng bà M thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động phải*

thông báo cho bà M ít nhất trước 45 ngày, mà ngày thông báo là ngày 21/9/2021 đến ngày bà M nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/11/2021, thông báo trước 40 ngày là vi phạm về thời hạn báo trước”. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Nhiệt điện U ban hành Quyết định số: 4240/QĐ - NDUB vi phạm thời hạn báo trước quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019, nhưng tại trang 11 lại đưa ra nhận định: “Nhu vậy, ngày 28/9/2021, Giám đốc Công ty Nhiệt điện U ra Quyết định số: 4240/QĐ-NDUB về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M kể từ ngày 01/11/2021, khi bà M đủ 50 tuổi 04 tháng là đúng trình tự, thủ tục”, là thiếu thống nhất trong đánh giá về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số: 4240/ QĐ - NDUB, kết luận sai tình tiết khách quan, tự mâu thuẫn với nội dung đã đưa ra trước đó; tại trang 10 nhận định: “Về căn cứ pháp luật: Quyết định số: 4240/QĐ-NDUB ngày 28/9/2021, không ghi căn cứ Bộ luật Lao động mà chỉ ghi căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số: 58/2014/QH ngày 20/11/2014”. Việc ban hành Quyết định số: 4240/QĐ – NDUB khi không căn cứ vào Bộ luật Lao động là sai phạm nghiêm trọng về nội dung, thế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định nội dung của quyết định phù hợp với quy định. Tòa án cấp sơ thẩm Quyết định: “không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số: 4240/QĐ-NDUB ngày 28/9/2021 của Giám đốc Công ty Nhiệt điện U về việc nghỉ việc hưởng độ hưu trí của bà Nguyễn Thị M” là trái với các tình tiết khách quan của vụ án, tự mâu thuẫn, trên dưới bất nhất, đưa ra kết luận thiếu căn cứ pháp lý, đánh giá chứng cứ không khách quan, đầy đủ và chính xác, vi phạm Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật: tại mục (1) phần Nhận thấy của bản án sơ thẩm (trang 5), nêu bị đơn có địa chỉ tại quận C, thành phố Hà Nội và nhận định việc thụ lý giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố U, đồng thời viện dẫn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc áp dụng quy định này là sai lầm bởi nếu theo quy định nêu trên thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân quận C chứ không phải Tòa án nhân dân thành phố U; Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019, khi đã thừa nhận việc ban hành Quyết định số: 4240/QĐ - NDUB ngày 28/9/2021 vi phạm thời hạn báo trước nhưng lại cho rằng Quyết định số: 4240/QĐ - NDUB ngày 28/9/2021, là có căn cứ để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa không hủy Quyết định số: 4240/QĐ - NDUB ngày 28/9/2021 nhưng lại yêu cầu trả cho bà M 05 ngày lương là tự mâu thuẫn và áp dụng sai pháp luật lao động; tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 có nội dung quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái luật gồm: nhận lại người lao động trở lại làm việc và trả tiền lương, 03 loại tiền bảo hiểm và trả thêm ít nhất 02 tháng tiền lương cho người lao động. Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng lại tuyên Tổng công ty P phải trả cho bà M tương ứng với 05 ngày lương vi phạm thời hạn báo trước là mâu thuẫn, áp dụng quy định pháp luật nửa vời.

Từ các lập luận trên, căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 20/4/2022, để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đảm bảo sự công tâm khách quan, công bằng cho bà Nguyễn Thị M.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không trình bày bổ sung ý kiến.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Tổng công ty P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Nhiệt điện U, là bà Lãnh Thị Mai H trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo:

Về nội dung yêu cầu hủy Quyết định số: 4240/QĐ - NĐUB ngày 28/9/2021, tôi giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Căn cứ Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 36; Điều 169; Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số: 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu; Văn bản số: 1589/EVNGENCO1-TC&NS ngày 13/6/2017 của Tổng công ty P về việc thực hiện chế độ đối với người lao động có thời gian làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại từ đủ 15 năm trở lên thì bà Nguyễn Thị M thuộc trường hợp đủ điều kiện để nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/11/2021. Tuy nhiên, Công ty Nhiệt điện U đã không báo trước đủ 45 ngày cho bà M theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019. Việc có sai sót trong soạn thảo quyết định và vi phạm thời hạn báo trước này không làm thay đổi căn cứ chấm dứt hợp đồng lao động và bản chất sự việc, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong việc chấm dứt hợp đồng lao động. Bản án sơ thẩm đã tuyên Tổng công ty P phải trả cho bà M số tiền tương ứng với 05 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước là đúng quy định.

Về nội dung yêu cầu người sử dụng lao động phải trả tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: như đã trình bày nêu trên, việc Công ty Nhiệt điện U ban hành Quyết định số: 4240/QĐ - NĐUB ngày 28/9/2021, là có căn cứ. Do đó không làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của người sử dụng lao động (tức bị đơn) đối với bà Nguyễn Thị M theo Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019, yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ.

Về quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án đã đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật.

Về các nội dung người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra:

- Tòa án cấp sơ thẩm không gửi cho nguyên đơn thông báo về việc thu thập chứng cứ: khi cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng đã đồng thời gửi tài liệu, chứng cứ cho nguyên đơn. Quá trình Tòa án giải quyết cũng đã công khai toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong các

phiên họp công khai chứng cứ, nguyên đơn cũng đã được tiếp cận toàn bộ các tài liệu, chứng cứ này nên quyền lợi của nguyên đơn không bị ảnh hưởng.

- Việc bản án sơ thẩm xác định ông Đỗ Văn C là người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty P: trong quá trình giải quyết sơ thẩm, ông Đỗ Văn C tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Công ty Nhiệt điện U trong suốt quá trình giải quyết và là người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty P trong một số hoạt động tố tụng cụ thể. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty P còn có ông Nguyễn Viết T cũng có mặt trong suốt quá trình xét xử. Bản án sơ thẩm xác định ông Đỗ Văn C là người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty P có thể là do sơ suất, nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và những người tham gia tố tụng khác...

- Về quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm: diễn biến phiên tòa không được ghi chép đầy đủ trong Biên bản phiên tòa: quá trình diễn ra phiên tòa sơ thẩm, tôi thấy Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm, phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.

- Về việc bà Nguyễn Thùy Dương tiến hành tố tụng với vai trò là Thư ký khi đã có quyết định thay đổi thư ký của Chánh án: pháp luật không quy định việc phân công thư ký tiến hành tố tụng phải bằng hình thức văn bản; mặt khác việc bà Dương tiến hành tố tụng đã được ghi rõ trong quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định này đã được giao cho các đương sự, tại phiên tòa phía nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đều không có ý kiến gì; bà Dương cũng không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Tố tụng dân sự; bản thân nguyên đơn cũng khẳng định quyền lợi của mình không bị ảnh hưởng. Do đó, không có căn cứ cho rằng đây là “vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nội dung tôi đã phân tích ở trên thì thấy, việc Tòa án nhân dân thành phố U quyết định: *“Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số: 4240/QĐ-NDUB ngày 28/9/2021 của Giám đốc Công ty Nhiệt điện U..., Tổng công ty P phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tương ứng với 05 ngày lương ...”* tại Bản án sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 20/4/2022, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: bác kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố U.

- Người đại diện của bị đơn Tổng công ty P, ông Phan Duy A không trình bày bổ sung ý kiến.

- Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Nhiệt điện U, ông Đỗ Văn C trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm làm đúng quy định pháp luật.

- Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm X, ông Trần Công D: không có ý kiến gì về nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M cung cấp tài liệu chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm làm sai lệch hồ sơ vụ án gồm: 01 văn bản xác nhận về xuất xứ, nguồn gốc bản ghi âm đề ngày 15/8/2022 của bà Nguyễn Thị M; 01 đĩa DVD chứa nội dung ghi âm phản hồi và phản tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm; nội dung bản bóc phiên tòa sơ thẩm ngày 14/4/2022; bản bóc ghi âm phản hồi tại phiên tòa sơ thẩm; bản bóc ghi âm phản tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm và biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 14/4/2022 (bản photo).

- Các đương sự khác có mặt tại phiên tòa; Kiểm sát viên, đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

* Xét tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

* Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị M đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và chứng minh không đúng, không đầy đủ quy định, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng giải quyết vụ án sai tình tiết khách quan, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Qua nghiên cứu hồ sơ và bản án sơ thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng cụ thể như sau:

Thứ nhất, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện không đúng với yêu cầu khởi kiện, trong khi đơn khởi kiện yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, tuy nhiên bản án xác định là tranh chấp yêu cầu bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty Nhiệt điện U là bị đơn là không đúng, tuy nhiên đến giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã xác định Công ty Nhiệt điện U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; việc cho đương sự tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ còn thiếu sót...Tuy nhiên, những vi phạm này xét thấy không nghiêm trọng, chưa làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Thứ hai, sau khi vụ án được thụ lý ngày 24/11/2021, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố U đã ban hành quyết định phân công thư ký tiến hành tố tụng giải quyết vụ án là bà Nguyễn Thùy Dương. Đến ngày 21/02/2022, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố U có Quyết định thay đổi thư ký, theo đó đã phân công Thư ký Phạm Văn Thắng thay Thư ký Nguyễn Thùy Dương tiến hành tố tụng vụ án. Tuy

nhien tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/4/2022, xét xử vụ án thì Thư ký Nguyễn Thùy Dương không được phân công tiến hành tố tụng vụ án, nhưng lại tiến hành tố tụng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tại phiên tòa sơ thẩm, ghi biên bản phiên tòa sơ thẩm. Theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Biên bản phiên tòa được thư ký ghi nhận mọi diễn biến phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc phiên tòa. Theo đó Biên bản phiên tòa ngày 14/4/2022, là một trong các căn cứ để cấp phúc thẩm kiểm tra, xem xét lại tính hợp pháp của bản án sơ thẩm. Như vậy, Biên bản phiên tòa sơ thẩm đã được tạo lập do bà Nguyễn Thùy Dương là không đảm bảo quy định pháp luật (không được người có thẩm quyền phân công tiến hành tố tụng để giải quyết vụ án cũng như thực hiện nhiệm vụ tố tụng tại phiên tòa). Vì vậy đây xác định là vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự quy định tại khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cần thiết phải hủy án nên không đề cập giải quyết đến nội dung của bản án sơ thẩm.

Từ những nội dung phân tích trên: căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố U và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố U giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tổng công ty P là ông Đỗ Trung K và bà Nguyễn Hà T, đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tổng công ty P là ông Phan Duy A và ông Nguyễn Viết T, đều có mặt tại phiên tòa trình bày: chúng tôi, ông K và bà Thương đều được người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty P ủy quyền tham gia tố tụng với tư cách riêng rẽ hoặc cùng nhau đại diện cho Tổng công ty P tham gia tố tụng giải quyết vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số: 01/2022/TLPT-LĐ ngày 09/6/2022, việc vắng mặt ông K và bà Thương không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị và xét xử vụ án như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm: thu thập được tài liệu, chứng cứ, không thông báo cho bà M là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 97 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, xâm phạm quyền được biết của đương sự quy định tại khoản 8 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vi phạm khoản 3 Điều 24 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 23/02/2022, ban hành Thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ số: 01/2022/TB-TA gửi cho Tổng công ty P, nội dung căn cứ “điểm e khoản 1 Điều 97; Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự”. Trong trường hợp căn cứ điểm e khoản 1 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự, phải ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ mới đảm bảo quy định về thủ tục tố tụng tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự; tiếp tục ngày 16/3/2022, nhận 13 loại tài liệu kèm theo Công văn số: 529/NĐUB – HCLĐ của Công ty Nhiệt điện U cung cấp, ra ngay quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng ngày nhận được tài liệu của bị đơn vi phạm khoản 5 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; không mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy tại khoản 1 Điều 109 Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 14/4/2022, nhận được 12 loại tài liệu do Công ty Nhiệt điện U cung cấp. Thực tế tại phiên tòa ngày 14/4/2022, không thấy bị đơn giao nộp Giấy ủy quyền số 14A và 11 loại tài liệu nêu trên, Tòa không thông báo cho bà My được biết. Việc thu thập vi phạm quy định tố tụng như vậy vừa không đảm bảo giá trị pháp lý của tài liệu chứng cứ, vừa không minh bạch. Điều đặc biệt vi phạm là 12 loại tài liệu này, được giao cho bà Nguyễn Thùy Dương – người đã bị Chánh án thay thế bởi ông Phạm Văn Thắng tại Quyết định thay đổi thư ký ngày 21/02/2022. Do đó, 40 loại tài liệu thu thập không đúng dẫn tới không đảm bảo giá trị pháp lý, không đảm bảo khách quan khi xét xử vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu, có trong hồ sơ vụ án xác định: khi cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Nhiệt điện U cũng đã đồng thời gửi tài liệu, chứng cứ cho nguyên đơn. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án cũng đã công khai toàn bộ các tài liệu, chứng cứ tại các phiên họp công khai chứng cứ; nguyên đơn và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều có mặt tại các phiên họp cũng đã được tiếp cận toàn bộ các tài liệu, chứng cứ này. Sau phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/02/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo số 01 ngày 23/02/2022 về việc yêu cầu Tổng công ty P cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của bà M (thời hạn cung cấp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo); ngày 16/3/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; đến ngày 22/3/2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được Công văn số: 529/NĐUB – HCLĐ ngày 16/3/2022 v/v cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo 13 loại tài liệu của Công ty Nhiệt điện U theo đường dịch vụ bưu chính, chứ không phải ngày 16/3/2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận 13 loại tài liệu kèm theo Công văn số: 529/NĐUB – HCLĐ của Công ty Nhiệt điện U cung cấp và ra ngay quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng ngày nhận được tài liệu của bị đơn vi phạm khoản 5 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy tại khoản 1 Điều 109 của Bộ luật Tố tụng dân sự như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Mặt khác, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, là bà Hoàng Thị P đã sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án vào các ngày 11/02/2022 và ngày 22/3/2022; đối với 12 loại tài liệu do Công ty Nhiệt điện U cung cấp ngày 14/4/2022, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng thực tế tại phiên tòa ngày 14/4/2022, không thấy bị đơn giao nộp

Giấy ủy quyền số 14A và 11 loại tài liệu nêu trên, Tòa không thông báo cho bà M được biết về việc nhận được 12 loại tài liệu do Công ty Nhiệt điện U cung cấp. Tại biên bản nhận tài liệu, chứng cứ ngày 14/4/2022 (bút lục 540), thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận tài liệu này và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/4/2022, chủ tọa phiên tòa đề nghị sao các tài liệu do nguyên đơn, bị đơn nộp bổ sung tại phiên tòa cho các bên nghiên cứu, các bên đã được nhận (nội dung này thể hiện tại trang 16 của Biên bản phiên tòa sơ thẩm – bút lục 563); đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ số: 01/2022/TB-TA gửi cho Tổng công ty P, nội dung thông báo căn cứ “điểm e khoản 1 Điều 97; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng dân sự”, chỉ là vi phạm về hình thức văn bản không ảnh hưởng đến nội dung văn bản là yêu cầu đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ.

[2.2] Đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý không đúng đơn khởi kiện ngày 04/11/2021 của bà M, dẫn tới vừa xét xử thiếu nội dung đơn khởi kiện vừa xét xử ngoài phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: cụ thể bà M có các yêu cầu khởi kiện, gồm: hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 do vi phạm pháp luật và buộc Công ty Nhiệt điện U thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019, trả cho bà M số tiền tạm tính là 143.984.101 đồng. Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: “...yêu cầu bị đơn Tổng công ty P phải bồi thường thiệt hại cho bà M số tiền 143.984.101 đồng, khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà M...”, là không đúng với yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện của nguyên đơn còn về bản chất thì là nghĩa vụ đền bù (bồi thường) những tổn thất về vật chất và tinh thần cho người lao động...; tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Biên bản thảo luận, Biên bản nghị án, Biên bản phiên tòa và Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm ghi về quan hệ pháp luật tranh chấp là: *“Tranh chấp....và yêu cầu bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng lao động”* chứ không phải đều thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu “bồi thường thiệt hại” cho bà M như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày.

[2.3] Đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm xác định lẫn lộn về thành phần tham gia tố tụng của Công ty Nhiệt điện U, Hội đồng xét xử xét thấy: tại Thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Nhiệt điện U là bị đơn cùng với Tổng công ty P là đã vi phạm Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 5 quy định: “đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện...Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ án khi có đơn khởi kiện...và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện...” Tại đơn khởi kiện bà M ghi rõ người bị kiện: Tổng công ty P... có chi nhánh phụ thuộc: Công ty Nhiệt điện U... Từ khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty Nhiệt điện U là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự; từ khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự nói chung và Công ty Nhiệt điện U đều không có ý kiến gì về việc này và việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Nhiệt điện U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng

với bên bị đơn nên không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự khi tham gia tố tụng.

[2.4] Đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của ông Đỗ Văn C là người đại diện của bị đơn theo ủy quyền lại từ ông Đỗ Trung K là không đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Bộ luật Tố tụng dân sự, gây bất bình đẳng và bất lợi cho nguyên đơn khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Đỗ Văn C tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Nhiệt điện U và là người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty P trong một số hoạt động tố tụng cụ thể, không được ủy quyền tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Bản án sơ thẩm xác định ông Đỗ Văn C là người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty P là không đúng, tuy nhiên: tại phiên tòa sơ thẩm, Tổng công ty P còn có người đại diện theo ủy quyền khác là ông Nguyễn Viết T cũng có mặt trong suốt quá trình xét xử và như phân tích tại mục [2.3] thì Công ty Nhiệt điện U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Đỗ Văn C là người đại diện theo ủy quyền, tham gia tố tụng với bên bị đơn nên không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và những người tham gia tố tụng khác; không gây bất bình đẳng và bất lợi cho nguyên đơn khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

[2.5] Đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đưa người tiến hành tố tụng trái pháp luật tham gia giải quyết vụ án: đã có quyết định thay đổi Thư ký từ bà Nguyễn Thùy Dương sang ông Phạm Văn Thắng vào ngày 21/02/2022, nhưng bà Dương vẫn tiến hành tố tụng: giao nhận tài liệu ngày 16/3/2022, làm Thư ký phiên tòa xét xử vụ án trong ngày 14 đến ngày 20/4/2022, vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 và Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc này dẫn tới toàn bộ các thủ tục tố tụng do bà Dương thực hiện từ ngày 21/02/2022 đến khi kết thúc phiên tòa là vi phạm tố tụng đặc biệt nghiêm trọng; biên bản phiên tòa ngày 14/4/2022, không thể hiện được đầy đủ mọi diễn biến tại phiên tòa, cắt bỏ toàn bộ nội dung tranh luận và bị chủ ý cắt xén rất nhiều câu hỏi của ông Vũ Quang N là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và cắt bỏ hầu như toàn bộ nội dung tranh luận của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ảnh hưởng đến tính đúng đắn của việc xét xử vụ án, gây khó khăn cho việc xem xét lại các quyết định tố tụng theo trình tự phúc thẩm, vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 236 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy: thư ký Nguyễn Thùy Dương không giao nhận tài liệu ngày 16/3/2022, số tài liệu này được gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm theo đường bưu chính vào ngày 22/3/2022 như nêu trên; ngày 21/02/2022, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố U đã ban hành Quyết định số: 01/2022/QĐ-CA về việc phân công ông Phạm Văn Thắng thay bà Nguyễn Thùy Dương tiến hành tố tụng vụ án lao động thụ lý số: 01/2021/TLST-LĐ ngày 24/11/2021, tuy nhiên tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-LĐ ngày 16/3/2022, tại mục 2. Những người tiến hành tố tụng ghi: “...*Thư ký phiên tòa bà Nguyễn Thùy Dương*...”. Quyết định đưa vụ án ra

xét xử được gửi cho các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đảm bảo thời hạn theo luật định để các đương sự thực hiện quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng trước khi mở phiên tòa nhưng không có đương sự nào thực hiện quyền này. Tại phiên tòa, tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chủ tọa phiên tòa đã giới thiệu thành phần những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa (trong đó Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa là bà Nguyễn Thùy Dương) và đã hỏi những người có quyền yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng, có ai yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng không? Các đương sự đã nghe rõ nhưng không có ai yêu cầu thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng. Việc này đã có sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm. Tài liệu do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm để chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm làm sai lệch hồ sơ vụ án, đã được Hội đồng xét xử nghiên cứu, xem xét một cách đầy đủ. Về nội dung phản ánh đúng: quan điểm của nguyên đơn, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa để yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; quan điểm của bị đơn, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Nhiệt điện U và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày tại phiên tòa để yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với diễn biến phiên tòa thể hiện tại Biên bản phiên tòa do bà Nguyễn Thùy Dương làm Thư ký ghi biên bản phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Thư ký phiên tòa sơ thẩm là người không được phân công, không ghi chép đầy đủ quan điểm của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn... Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã làm rõ các căn cứ để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn..., đã tạo điều kiện cho các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trình bày hết căn cứ yêu cầu khởi kiện, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện và các lập luận bảo vệ quan điểm đó; Hội đồng xét xử không hạn chế thời gian trình bày cũng như tranh luận của các bên đương sự. Trước khi kết thúc phần tranh luận để Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tại phiên tòa đều thừa nhận không còn ý kiến tranh luận gì khác. Như vậy, mặc dù Biên bản phiên tòa sơ thẩm do bà Nguyễn Thùy Dương ghi chép không chi tiết, đầy đủ phần hỏi và phần tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Vũ Quang N thì Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạo điều kiện cho các bên trình bày, tranh luận, đối đáp như nêu trên đã khắc phục được vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm.

Mặt khác, diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm chưa phải là căn cứ duy nhất để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận hay không được chấp nhận mà yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận hay không được chấp nhận phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án; kết hợp với việc hỏi,

tranh tụng tại phiên tòa, từ đó Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết phù hợp với quy định pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp các bên đương sự trong vụ án.

[2.6] Đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật: tại mục (1) phần nhận thấy của bản án sơ thẩm (trang 5), nêu bị đơn có địa chỉ tại quận C, thành phố Hà Nội và nhận định việc thụ lý giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố U, đồng thời viện dẫn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc áp dụng quy định này là không đúng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội chứ không phải là Tòa án nhân dân thành phố U. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự đều không khiếu nại về thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố U. Tòa án nhân dân thành phố U có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự và nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố U là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá và đưa ra các nhận định, quyết định sai tình tiết khách quan, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021:

Quá trình lao động của bà Nguyễn Thị M tại Nhà máy Nhiệt điện U (nay là Công ty Nhiệt điện U) như sau: bà Nguyễn Thị M được tuyển dụng vào làm hợp đồng tại Nhà máy Nhiệt điện U theo Quyết định số: 1240/QĐB/P3 ngày 04/8/1992, công việc tại phân xưởng điện, mức lương được hưởng 95% của bậc 2/7, kể từ ngày 01/8/1992.

Ngày 19/01/1993, Giám đốc Nhà máy Nhiệt điện U phân công bà M làm việc tại phân phối điện nhà hóa cao áp.

Ngày 01/01/1995, Nhà máy Nhiệt điện U ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn với bà M, công việc phải làm do đơn vị Trưởng trực tiếp phân công.

Quyết định số: 932/ĐUB/TCLĐ ngày 06/6/1997 về việc nâng bậc lương cho bà M, nghề nghiệp sửa chữa điện thuộc phân xưởng điện.

Quyết định số: 308/EVN/ĐUB/TCLĐ ngày 20/01/2000 về việc công nhận độc lập chức danh vận hành cho bà M, độc lập công tác: phân phối nhà hóa cao áp.

Quyết định số: 339/QĐ-EVN-ĐUB-TCLĐ ngày 27/01/2003 về việc nâng bậc lương công nhân kỹ thuật cho bà M - Phân phối nhà hóa từ bậc 2/5 lên bậc 3/5 thuộc Phân xưởng điện.

Quyết định số: 1658/QĐ-EVN-ĐUB-TCLĐ ngày 28/6/2004 về việc điều chỉnh và nâng hệ số lương của bà M, công nhân thuộc phân xưởng điện từ thang bảng lương vận hành bậc 3/5, hệ số 2,34 sang thang bảng lương sửa chữa điện và nâng bậc lương 5/7, hệ số 2,49.

Quyết định số: 720/QĐ-EVN-ĐUB-TCLĐ ngày 28/3/2005 về việc điều động công nhân viên sang phân xưởng tự động điều khiển của bà M đến phân xưởng tự động điều khiển - Ban chuẩn bị sản xuất Nhà máy Nhiệt điện U mở rộng.

Quyết định số: 2152/QĐ-EVN-ĐUB-TCLĐ ngày 27/7/2005 về việc chuyển xếp lương cho bà M; đơn vị phân xưởng tự động điều khiển sang bậc 5, hệ số 3,45.

Quyết định số: 2851/QĐ-EVN-ĐUB-TCLĐ ngày 24/11/2008 về việc điều chuyển chức năng thí nghiệm điện Nhà máy Nhiệt điện U mở rộng 1 từ phân xưởng tự động điều khiển về phân xưởng Điện kiểm nhiệt (có danh sách bà M).

Quyết định số: 3761/QĐ-EVN-ĐUB-TCLĐ ngày 29/12/2009 về việc nâng bậc lương cho công nhân kỹ thuật Nguyễn Thị M, công nhân hiệu chỉnh thí nghiệm thiết bị điện từ bậc 5/7, hệ số lương 3,45 lên bậc 6/7, hệ số lương 4,07 thuộc phân xưởng Điện kiểm nhiệt.

Quyết định số: 596/QĐ-EVN-ĐUB-TCLĐ ngày 05/3/2010 về việc điều động bà Nguyễn Thị M hệ số lương 4,07 thuộc phân xưởng Điện kiểm nhiệt đến phòng Kỹ thuật, Công ty Nhiệt điện U.

Quyết định số: 1795/QĐ-NĐUB-TCLĐ ngày 25/6/2010 về việc điều động bà Nguyễn Thị M kỹ sư điện, hệ số lương 4,07 thuộc phòng Kỹ thuật đến công tác tại phòng Kỹ thuật - Giám sát, Công ty Nhiệt điện U.

Quyết định số: 4589/QĐ-NĐUB-TCLĐ ngày 17/12/2012 về việc xếp lại hệ số lương của bà Nguyễn Thị M thuộc phòng Kỹ thuật - Giám sát; kỹ sư, hệ số lương 4,07 lên bậc 7/8, hệ số lương 4,20.

Quyết định số: 3486/QĐ-EVNGENCO1 ngày 14/7/2015 về việc điều động biệt phái bà Nguyễn Thị M đến công tác tại Ban kinh doanh thị trường điện, cơ quan Tổng công ty P.

Quyết định số: 6290/QĐ-EVNGENCO1 ngày 21/12/2015 về việc nâng bậc lương cho bà M từ bậc 7/8 hệ số 4,20 lên bậc 8/8 hệ số lương 4,51.

Quyết định số: 1925/QĐ-EVNGENCO1 ngày 21/7/2016 về việc xếp lương ngạch chuyên viên chính đối với bà M từ bậc 8/8, chuyên viên doanh nghiệp hệ số 4,51 lên bậc 4/6, chuyên viên chính doanh nghiệp hệ số 4,99.

Quyết định số: 812/QĐ-NĐUB ngày 24/3/2017 chuyển xếp lương mới của bà M bậc 8/8, hệ số 4,865.

Quyết định số: 818/QĐ-NĐUB ngày 24/3/2017 chuyển xếp lương mới của bà M bậc 4/6, hệ số 5,380.

Ngày 12/4/2017 ký phụ lục hợp đồng lao động số: 1161/PLHD-NĐUB với Công ty Nhiệt điện U.

Quyết định số: 1342/QĐ-NĐUB ngày 06/6/2018 về việc điều động bà M đến nhận công tác tại phân xưởng Sửa chữa điện - Tự động hưởng lương bậc 4/6, hệ số 5,380.

Quyết định số: 654/QĐ-NĐUB ngày 20/3/2019 về việc áp dụng phụ cấp độc hại nguy hiểm mức 1 cho 03 công nhân (có bà M) đang hưởng lương chuyên môn, nghiệp vụ có thời gian làm việc tại nơi công nhân, nhân viên làm nghề, công việc thuộc nhóm II của các thang lương Chuyên viên chính; công việc đang làm thực tế sửa chữa thiết bị điện Nhà máy điện từ 01/7/2018; hệ số phụ cấp 0,1.

Quyết định số: 884/QĐ-NĐUB ngày 09/4/2019 về việc chuyển xếp lương mới cho bà M công nhân thí nghiệm thiết bị điện thuộc Phân xưởng sửa chữa điện

- Tự động từ bậc 4/6 hệ số lương 5,380 bảng lương B6.2 lên bậc 7/7 hệ số 4.567 bảng lương A1.1.2, kể từ ngày 01/4/2019.

Quyết định số: 3575/QĐ-NĐUB ngày 07/11/2019 về việc điều động bà M thuộc phân xưởng Sửa chữa điện - Tự động đến phòng An toàn và Môi trường hưởng lương bậc 4/6 hệ số lương 5,380, kể từ ngày 11/11/2019.

Quyết định số: 05/QĐ-NĐUB ngày 02/01/2020 về việc nâng bậc lương đối với bà M, chuyên viên chính thuộc phòng An toàn và Môi trường từ bậc 4/6 hệ số lương 5,380 lên bậc 5/6 hệ số lương 5,730 kể từ ngày 01/01/2020.

Ngày 21/9/2021, Công ty Nhiệt điện U ra Thông báo số: 4147/TB -NĐUB về việc thông báo nghỉ chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M.

Ngày 28/9/2021, Giám đốc Công ty Nhiệt điện U ra Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M kể từ ngày 01/11/2021.

Bà M thừa nhận được tuyển dụng vào làm hợp đồng tại Nhà máy Nhiệt điện U theo Quyết định số: 1240/QĐB/P3 ngày 04/8/1992, công việc tại phân xưởng điện, mức lương được hưởng 95% của bậc 2/7, kể từ tháng 8/1992; đến ngày 01/01/1995, ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn và làm việc tại Công ty Nhiệt điện U cho đến khi có Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021.

Theo tờ khai cấp sổ BHXH ngày 01/7/1996, quá trình làm việc có đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8/1992 đến tháng 6/1996, công việc là công nhân vận hành, công nhân sửa chữa điện Nhà máy Nhiệt điện U; cũng như theo dõi quá trình đóng BHXH của BHXH tỉnh Quảng Ninh xác định bà Nguyễn Thị M, mã số BHXH: 2096066554 có thời gian tham gia BHXH từ tháng 8/1992 đến hết tháng 10/2021, là 29 năm 03 tháng.

Như vậy, bà Nguyễn Thị M đã làm việc tại Công ty Nhiệt điện U và tham gia đóng BHXH bắt buộc từ tháng 8 năm 1992 đến hết tháng 10 năm 2021, là được 29 năm 03 tháng. Theo các quyết định phân công vị trí làm việc của bà M tại các phân xưởng, các phòng cũng như các quyết định nâng bậc lương, hệ số lương của bà M trong thời gian làm việc tại Công ty Nhiệt điện U, thì có 19 năm 10 tháng làm công việc với chức danh: vận hành điện trong nhà máy điện; công nhân sửa chữa điện; thí nghiệm điện cao áp; hiệu chỉnh, thí nghiệm thiết bị điện đều thuộc danh mục nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại Mục VII. Điện theo Danh mục nghề và công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Quyết định số: 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và quy định tại Mục VI. Điện theo Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm tại Thông tư số: 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Đồng thời được xếp lương, phụ cấp theo thang, bảng lương của công nhân lao động theo Nghị định số: 26/1993/NĐ-CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ; Nghị định số: 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 quy định về hệ thống thang bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước và các quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung ban hành Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M như sau:

- Về trình tự: căn cứ vào thời gian làm việc, thời gian đóng bảo hiểm xã hội và tuổi đời của người lao động; căn cứ quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, xét thấy bà M đủ tuổi nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/11/2021. Ngày 21/9/2021, Công ty Nhiệt điện U ra Thông báo số: 4147/TB-NĐUB v/v thông báo nghỉ chế độ hưu trí đối với bà M; đến ngày 28/9/2021, ban hành Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M kể từ ngày 01/11/2021, theo quy định điểm d khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019, là có căn cứ.

- Về thủ tục: trước khi ban hành Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, Công ty Nhiệt điện U ra Thông báo số: 4147/TB-NĐUB ngày 21/9/2021, về việc thông báo nghỉ chế độ hưu trí đối với bà M, nhưng bà M là người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì người sử dụng lao động phải thông báo cho bà M ít nhất trước 45 ngày, mà ngày thông báo là ngày 21/9/2021 đến ngày bà M nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/11/2021, chỉ có 40 ngày, là vi phạm về thời hạn báo trước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019.

- Về thẩm quyền: ông Đỗ Trung K – đã được trao Quyền Giám đốc, Công ty Nhiệt điện U nhưng tại Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, vẫn ký là “KT.Giám đốc/Phó Giám đốc” là không đúng về thẩm quyền được giao, tuy nhiên ông Đỗ Trung K đúng là người được ủy quyền của Tổng Giám đốc công ty Phát điện 1, theo Giấy ủy quyền số: 14A/GUQ-EVNGENCO1 ngày 02/8/2021 và Quyết định số: 929/QĐ-EVN ngày 01/7/2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam nên không vi phạm.

- Về nội dung: Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, chỉ căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số: 58/2014/QH ngày 20/11/2014, quy định điều kiện hưởng lương hưu mà không ghi căn cứ vào Bộ luật Lao động năm 2019, cụ thể là căn cứ vào Điều 169 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về tuổi nghỉ hưu là thiếu căn cứ.

Điểm b khoản 1 Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội quy định:

“Điều 54. Điều kiện hưởng lương hưu

1. Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h và i khoản 1 Điều 2 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, khi nghỉ việc có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên thì được hưởng lương hưu nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) ...

b) Đủ tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 169 của Bộ luật Lao động và có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và

Xã hội ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021”.

Như vậy, điểm b khoản 1 Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội đã quy định về tuổi nghỉ hưu theo khoản 3 Điều 169 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Điều 169 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định tuổi nghỉ hưu:

“1. Người lao động bảo đảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi đủ tuổi nghỉ hưu.

2. Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.

Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.

*3. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; **làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm**; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại khoản 2 Điều này tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. ... ”.

Đối chiếu quá trình tham gia BHXH bắt buộc, bà M cũng đã được BHXH tỉnh Quảng Ninh điều chỉnh trừ thời gian được cử đi học Đại học tại chức không trực tiếp làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 tháng. Đối với các tài liệu do bà M cung cấp tại phiên tòa gồm có: Giấy chứng nhận bồi huấn chuyên ngành thí nghiệm điện từ ngày 01/10/2005 đến 31/12/2005 tại Trung tâm thí nghiệm điện; Chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo đo lường điều khiển trong Nhà máy điện tại Công ty Nhiệt điện Phả Lại và các quyết định cử đi học ngắn ngày đều liên quan đến công việc của bà M, đều học trực tiếp tại nơi làm việc trong nhà máy và công trường dự án. Đối với Quyết định số: 491/QĐ-NĐUB-TCLĐ ngày 21/02/2006 thuộc tổ Thí nghiệm điện là thành viên tổ giúp việc Ban chỉ đạo biên soạn các loại quy trình vận hành cho Nhà máy Nhiệt điện U mở rộng 300MW số 1 từ ngày 01/3/2006, theo tiến độ bàn giao tài liệu của nhà thầu thì bà M đang làm công việc thí nghiệm điện tại Công ty Nhiệt điện U. Ngoài ra, căn cứ vào tài liệu do bị đơn cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm là Bảng lương chi tiền thanh toán lương từ tháng 7/2005 đến tháng 10/2008, các thời điểm bà M tham gia học tập các khóa học và thời điểm theo Quyết định số: 491/QĐ-NĐUB-TCLĐ ngày 21/02/2006 nêu trên, bà M vẫn nhận tiền lương đầy đủ, trong bảng lương thể hiện vị trí làm việc của bà M; quá trình học, bà M đều học trực tiếp tại nơi làm việc nên không có căn cứ xác định những thời gian này bà M không làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều thừa nhận không yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, với lý do về thời gian đóng bảo hiểm xã hội; về việc tính thời gian làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (không có lý do chưa đủ thời gian nghỉ hưu).

Như vậy ngày 28/9/2021, Giám đốc Công ty Nhiệt điện U ra Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà M kể từ ngày 01/11/2021, khi bà M 50 tuổi 04 tháng, là đảm bảo về nội dung, tuy Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, có một số vi phạm như đã nêu trên về cơ bản không làm thay đổi bản chất của sự việc là: bà M đã bảo đảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, được hưởng lương hưu khi đủ tuổi nghỉ hưu nên quyền và lợi ích hợp pháp của bà M vẫn được bảo đảm theo quy định theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 169 của Bộ luật Lao động năm 2019 và theo điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số: 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 quy định về tuổi nghỉ hưu; Điều 54 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Cho nên, Bảo hiểm X giải quyết hưởng chế độ hưu trí và ban hành Quyết định số: 22000005614/QĐ-BHXXH ngày 06/10/2021 về việc hưởng chế độ hưu trí cho bà Nguyễn Thị M theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019, trả cho bà M số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 133.437.530 đồng:

Như đã nhận định tại mục [3.1], Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M là có căn cứ. Do đó, yêu cầu của bà M về việc buộc thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019, không có căn cứ. Tuy nhiên, Hợp đồng lao động của bà Nguyễn Thị M tại Công ty Nhiệt điện U là hợp đồng lao động không xác định thời hạn, nhưng Thông báo số: 4147/TB-NĐUB ngày 21/9/2021 của Công ty Nhiệt điện U về việc thông báo nghỉ chế độ hưu trí đối với bà M, là chưa đảm bảo về thời hạn báo trước. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì người sử dụng lao động phải thông báo cho bà M ít nhất là trước 45 ngày, mà ngày thông báo là ngày 21/9/2021 đến ngày bà M nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí chỉ là 40 ngày, là vi phạm về thời hạn báo trước như nêu trên. Song Thông báo số: 4147/TB-NĐUB ngày 21/9/2021 của Công ty Nhiệt điện U, là thông báo về việc nghỉ chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M kể từ ngày 01/11/2021, đồng thời Bảo hiểm X đã giải quyết hưởng chế độ hưu trí và ban hành Quyết định số: 22000005614/QĐ-BHXXH ngày 06/10/2021 về việc hưởng chế độ hưu trí cho bà Nguyễn Thị M kể từ ngày 01/11/2021, là đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho bà M khi đủ tuổi nghỉ hưu.

Căn cứ khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019: “...*Trường hợp vi phạm quy định về thời hạn báo trước quy định tại khoản 2 Điều 36 của Bộ luật này thì phải trả một khoản tiền tương ứng với tiền lương theo hợp đồng lao động trong*

những ngày không báo trước”. Do đó, vi phạm này không thuộc trường hợp phải hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021, người sử dụng lao động chỉ phải trả cho bà M khoản tiền tương ứng với 05 ngày lương theo hợp đồng lao động, do vi phạm thời hạn báo trước. Theo bảng lương bà M được hưởng tại Công ty Nhiệt điện U thời điểm tháng 10/2021 là 15.184.500 đồng và mỗi tháng làm việc 22 ngày. Vì vậy, người sử dụng lao động phải trả cho bà M số tiền tương ứng 05 ngày lương là 3.451.022 đồng ($15.184.500 \text{ đồng/tháng} : 22 \text{ ngày làm việc} \times 5 \text{ ngày} = 3.451.022 \text{ đồng}$).

Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà M; chấp nhận một phần yêu cầu của bà M về việc buộc người sử dụng lao động thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp vi phạm quy định về thời hạn báo trước quy định tại khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019, theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019 như nêu trên, là có căn cứ.

Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà M về nội dung áp dụng pháp luật về thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] Về án phí: yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, được Tòa án chấp nhận một phần. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và đơn xin miễn án phí của bà M. Miễn án phí sơ thẩm đối với bà M, bà M không phải chịu án phí phúc thẩm. Tổng công ty P phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện đối với bà M.

[5] Không chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

[6] Kiến nghị Tổng công ty P, Công ty Nhiệt điện U thực hiện pháp luật về lao động đối với người lao động đúng quy trình thực hiện, đúng quy định pháp luật, bảo đảm quyền lợi của người lao động.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Sửa Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh về áp dụng pháp luật, như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 36; khoản 1 Điều 41; khoản 1, 2 và 3 Điều 169 và Điều 219 của Bộ luật Lao động năm 2019. Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc hủy bỏ Quyết định số: 4240/QĐ-NĐUB ngày 28/9/2021 của Giám đốc Công ty Nhiệt điện U – Chi nhánh Tổng công ty P về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với bà Nguyễn Thị M.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện nghĩa vụ tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Buộc Tổng công ty P phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 3.451.022 đồng (*Ba triệu, bốn trăm năm mươi mốt nghìn, không trăm hai hai đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án; nếu người phải thi hành án không trả cho người được thi hành án số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về án phí: miễn án phí lao động sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Tổng công ty P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện đối với bà Nguyễn Thị M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố U;
- Chi cục THADS thành phố U;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng

